

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 105/2019/HS-ST

Ngày 26-10-2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông **Đặng Hoài Dinh**
- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Bà **Trần Ánh Nhạn**
2. Bà **Nguyễn Thị Thiều**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Kim Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2019, tại Nhà Văn hóa ấp Phước Đức B, thuộc xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 89/2019/HSST ngày 28 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Đào Xuân T; sinh năm 1984, tại thành phố Hà Nội; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Số 17, ngách 40/26, phường KG, quận TX, Thành phố HN; Nơi cư trú hiện nay: số 93, ấp PĐ A, xã PĐ, huyện GD, tỉnh TN; Nghề nghiệp: Làm mướn; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đào Xuân T, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1953; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không có; Nhân thân: Có 03 lần bị đưa đi cai nghiện bắt buộc, 04 lần bị phạt cảnh cáo và ngày 21-8-2019 Bản án số: 75/2019/HS-ST của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu đã xét xử về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”; Bị cáo đang thi hành hình phạt tù theo Bản án số: 75/2019/HS-ST ngày 21-8-2019 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu. *Có mặt.*

2. Trần Văn T; sinh năm 1992, tại thành phố Hà Nội; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: thôn TA, xã Thủy XT, huyện CM, Thành phố HN; Nơi cư trú hiện nay: ấp PĐ B, xã PĐ, huyện GD, tỉnh TN; Nghề nghiệp: Làm mướn; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn V, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1970; Vợ,

con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không có; Nhân thân: Chưa bị xử lý vi phạm hành chính lần nào và ngày 21-8-2019 Bản án số: 75/2019/HS-ST của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu đã xét xử về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”; Bị cáo đang thi hành hình phạt tù theo Bản án số: 75/2019/HS-ST ngày 21-8-2019 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu. *Có mặt.*

3. Đỗ Thế C; sinh năm 1990, tại thành phố Hà Nội; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và cư trú hiện nay: số 548, tổ 24, phường TT, quận HM, Thành phố HN; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: **Đỗ Thế H**, sinh năm 1964 và bà Lý Thị Chung T, sinh năm 1966; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không có; **Nhân thân: Chưa bị xử lý vi phạm hành chính lần nào**, ngày 21-8-2019 Bản án số: 75/2019/HS-ST của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu đã xét xử về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, **ngày 09-9-2019 tại Bản án số 530/2019/HS-PT Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội đã xét xử bị cáo về tội “Đánh bạc” và “Tổ chức đánh bạc;** Bị cáo đang thi hành hình phạt tù theo Bản án số: 75/2019/HS-ST ngày 21-8-2019 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu. *Có mặt.*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Ấp 1, xã BÐ, huyện GD, tỉnh TN.

2/ Anh Phạm Hữu Đ, sinh năm 1998. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Ấp 1, xã BÐ, huyện GD, tỉnh TN.

3/ Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1974. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Ấp 5, xã BÐ, huyện GD, tỉnh TN.

4/ Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1994. *Vắng mặt.*

5/ Anh Lưu Văn T, sinh năm 1979. *Vắng mặt.*

6/ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967. *Vắng mặt.*

7/ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1982. *Vắng mặt.*

Cùng địa chỉ: ấp PÐ B, thuộc xã PÐ, huyện GD, tỉnh TN.

8/ Anh Đặng Minh Tú, sinh năm 1992. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Ấp 5, xã BÐ, huyện GD, tỉnh TN.

9/ Chị Nguyễn Thị Mỹ Dung, sinh năm 1979. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Ấp 1, xã BÐ, huyện GD, tỉnh TN.

10/ Bà Nguyễn Thị Lành, sinh năm 1979. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: ấp PH A, xã PH, huyện GD, tỉnh TN.

11/ Anh Phạm Minh Đ, sinh năm 1989. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: ấp PÐ A, xã PÐ, huyện GD, tỉnh TN.

12/ Bà Trần Thị P, sinh năm 1972. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: ấp PH, xã PT, huyện GD, tỉnh TN.

13/ Anh Trần Văn V, sinh năm 1990. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: ấp TA, xã TM, huyện DMC, tỉnh TN.

- 14/ Anh Huỳnh Tấn C, sinh năm 1979. *Vắng mặt*.
Địa chỉ: ấp TH, xã TM, huyện DMC, tỉnh TN.
- 15/ Chị Trần Ngọc S, sinh năm 1992. *Vắng mặt*.
Địa chỉ: ấp PĐ A, xã PĐ, huyện GD, tỉnh TN.
- 16/ Bà Lê Thị Hồng D, sinh năm 1974. *Vắng mặt*.
Địa chỉ: Ấp 1, xã BĐ, huyện GD, tỉnh TN.
- 17/ Anh Nguyễn Thành C, sinh năm 1980. *Vắng mặt*.
Địa chỉ: ấp PĐ B, xã PĐ, huyện GD, tỉnh TN.
- 18/ Bà Đặng Thị Đ, sinh năm 1966. *Vắng mặt*.
Địa chỉ: Ấp 1, xã BĐ, huyện GD, tỉnh TN.
- 19/ Ông Võ Thanh H, sinh năm 1979. *Vắng mặt*.
Địa chỉ: ấp PĐ A, xã PĐ, huyện GD, tỉnh TN.
- 20/ Bà Nguyễn Thanh Xuân, sinh năm 1979. *Vắng mặt*.
Địa chỉ: ấp TB, xã TM, huyện DMC, tỉnh TN.
- 21/ Anh Dương Thành A, sinh năm 1986. *Vắng mặt*.
Địa chỉ: ấp TH, xã TM, huyện DMC, tỉnh TN.
- 22/ Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1969. *Vắng mặt*.
Địa chỉ: Ấp 2, xã BĐ, huyện GD, tỉnh TN.
- 23/ Bà Bùi Thị Cẩm L, sinh năm 1969. *Vắng mặt*.
Địa chỉ: Ấp 5, xã BĐ, huyện GD, tỉnh TN.
- 24/ Anh Lê Văn T, sinh năm 1988. *Vắng mặt*.
Địa chỉ: ấp PĐ B, xã PĐ, huyện GD, tỉnh TN.
- 25/ Anh Võ Phát Đ, sinh năm 1997. *Vắng mặt*.
Địa chỉ: khu phố 2/223, Nội ô A, thị trấn GD, huyện GD, tỉnh TN.
- 26/ Chị Trần Thị Hồng Quí, sinh năm 1991. *Vắng mặt*.
Địa chỉ: ấp TA, xã TM, huyện DMC, tỉnh TN.
- 27/ Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1976. *Vắng mặt*.
Địa chỉ: ấp PH B, xã PT, huyện GD, tỉnh TN.
- 28/ Ông Trương Văn N, sinh năm 1977. *Vắng mặt*.
- 29/ Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1965. *Vắng mặt*.
Cùng địa chỉ: ấp PĐ B, xã PĐ, huyện GD, tỉnh TN.
- 30/ Bà Đỗ Thị Bích N, sinh năm 1963. *Vắng mặt*.
Địa chỉ: ấp TV 1, xã TP, huyện GD, tỉnh TN.
- 31/ Anh Trần Thanh N, sinh năm 2000. *Vắng mặt*.
Địa chỉ: ấp PĐ B, xã PĐ, huyện GD, tỉnh TN.
- 32/ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1992. *Vắng mặt*.
- 33/ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1974. *Vắng mặt*.
- 34/ Bà Phan Thị K, sinh năm 1973. *Vắng mặt*.
Cùng địa chỉ: Ấp, xã BĐ, huyện GD, tỉnh TN.
- 35/ Ông Nguyễn Minh C, sinh năm 1975. *Vắng mặt*.

Địa chỉ: ấp PĐ B, xã PĐ, huyện GD, tỉnh TN.
 36/ Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1980. *Vắng mặt*.
 Địa chỉ: Ấp 3, xã BĐ, huyện GD, tỉnh TN.
 37/ Ông Hồ Nghiêm Đạt T, sinh năm 1975. *Vắng mặt*.
 Địa chỉ: Ấp 5, xã BĐ, huyện GD, tỉnh TN.
 38/ Chị Nguyễn Hồng D, sinh năm 1996. *Vắng mặt*.
 Địa chỉ: ấp PĐ B, xã PĐ, huyện GD, tỉnh TN.
 39/ Chị Nguyễn Hoài T, sinh năm 1996. *Vắng mặt*.
 Địa chỉ: ấp PT, xã PC, huyện TB, tỉnh TN.
 40/ Chị Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm 1998. *Vắng mặt*.
 Địa chỉ: ấp PH, xã PT, huyện GD, tỉnh TN.
 41/ Chị Trần Thị D, sinh năm 1985. *Vắng mặt*.
 Địa chỉ: Ấp 2, xã BĐ, huyện GD, tỉnh TN.
 42/ Chị Trần Thị Anh T, sinh năm 1983. *Vắng mặt*.
 Địa chỉ: khu phố GH, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh TN.
 43/ Ông Nguyễn Long Â, sinh năm 1979. *Vắng mặt*.
 Địa chỉ: ấp PB B, xã PT, huyện GD, tỉnh TN.
 44/ Ông Bùi Văn T, sinh năm 1974. *Vắng mặt*.
 Địa chỉ: ấp PĐ B, xã PĐ, huyện GD, tỉnh TN.
 45/ Anh Nguyễn Hoàng S, sinh năm 1990. *Vắng mặt*.
 46/ Anh Phan Hữu T, sinh năm 1988. *Vắng mặt*.
 47/ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966. *Vắng mặt*.
 Cùng địa chỉ: Ấp 5, xã BĐ, huyện GD, tỉnh TN.
 48/ Bà Cao Thị N, sinh năm 1972. *Vắng mặt*.
 Địa chỉ: ấp PĐ B, xã PĐ, huyện GD, tỉnh TN.
 49/ Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1969. *Vắng mặt*.
 Địa chỉ: Ấp 1, xã BĐ, huyện GD, tỉnh TN.
 50/ Anh Đặng Văn H, sinh năm 1996. *Vắng mặt*.
 Địa chỉ: Ấp 5, xã BĐ, huyện GD, tỉnh TN.
 51/ Chị Phan Thùy D, sinh năm 1982. *Vắng mặt*.
 Địa chỉ: ấp PĐ A, xã PĐ, huyện GD, tỉnh TN.
 52/ Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1980. *Vắng mặt*.
 Địa chỉ: ấp PĐB, xã PĐ, huyện GD, tỉnh TN.
 53/ Chị Lê Thị Ngọc A, sinh năm 1992. *Vắng mặt*.
 Địa chỉ: ấp XB, xã HT, huyện GD, tỉnh TN.
 54/ Chị Phan Thị D, sinh năm 1985. *Vắng mặt*.
 Địa chỉ: ấp TT, xã TM, huyện DMC, tỉnh TN.
 55/ Bà Nguyễn Thị Xuân T, sinh năm 1967. *Vắng mặt*.
 Địa chỉ: khu phố 4, Nội ô B, thị trấn GD, huyện GD, tỉnh TN.
 56/ Anh Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1988. *Vắng mặt*.

Địa chỉ: ấp TB, xã TM, huyện DMC, tỉnh TN.
 57/ Bà Dương Thị S, sinh năm 1965. *Vắng mặt*.
 Địa chỉ: ấp PB A, xã PT, huyện GD, tỉnh TN.
 58/ Bà Phan Thị N, sinh năm 1971. *Vắng mặt*.
 Địa chỉ: Ấp 4, xã BÐ, huyện GD, tỉnh TN.
 59/ Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1958. *Vắng mặt*.
 Địa chỉ: ấp PÐ, xã PT, huyện GD, tỉnh TN.
 60/ Anh Trần Quốc T, sinh năm 1991. *Vắng mặt*.
 Địa chỉ: ấp XB, xã HT, huyện GD, tỉnh TN.
 61/ Chị Đoàn Thị Kim Y, sinh năm 1988. *Vắng mặt*.
 Địa chỉ: Ấp 5, xã BÐ, huyện GD, tỉnh TN.
 62/ Chị Nguyễn Cẩm T, sinh năm 1980. *Vắng mặt*.
 Địa chỉ: ấp PÐ A, xã PÐ, huyện GD, tỉnh TN.
 63/ **Chị Võ Thị Thanh T**, sinh năm 1980. *Vắng mặt*.
 64/ Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1985. *Vắng mặt*.
 Cùng địa chỉ: Ấp 5, xã BÐ, huyện GD, tỉnh TN.
 65/ Chị Nguyễn Kim H, sinh năm 1983. *Vắng mặt*.
 Địa chỉ: Ấp 2, xã BÐ, huyện GD, tỉnh TN.
 66/ Anh Phan Uy B, sinh năm 1989. *Vắng mặt*.
 Địa chỉ: Ấp 4, xã BÐ, huyện GD, tỉnh TN.
 67/ Bà Nguyễn Thanh T, sinh năm 1977. *Vắng mặt*.
 Địa chỉ: Ấp 1, xã BÐ, huyện GD, tỉnh TN.
 68/ Anh Hồ Cương V, sinh năm 1987. *Vắng mặt*.
 Địa chỉ: ấp ÐH, xã HT, huyện GD, tỉnh TN.
 69/ Bà Lê Thị L, sinh năm 1962. *Vắng mặt*.
 Địa chỉ: ấp PÐ A, xã PÐ, huyện GD, tỉnh TN.
 70/ Chị Đặng Thị Thu T, sinh năm 1984. *Vắng mặt*.
 Địa chỉ: Ấp 5, xã BÐ, huyện GD, tỉnh TN.
 71/ Ông Võ Nhất C, sinh năm 1980. *Vắng mặt*.
 Địa chỉ: ấp PÐ B, xã PÐ, huyện GD, tỉnh TN.
 72/ Anh Nguyễn Hoài P, sinh năm 1981. *Vắng mặt*.
 Địa chỉ: ấp XB, xã HT, huyện GD, tỉnh TN.
 73/ Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1974. *Vắng mặt*.
 Địa chỉ: Ấp 3, xã BÐ, huyện GD, tỉnh TN.
 74/ Ông Lê Thành M, sinh năm 1976. *Vắng mặt*.
 Địa chỉ: Ấp 5, xã BÐ, huyện GD, tỉnh TN.
 75/ Bà Đặng Thị L, sinh năm 1961. *Vắng mặt*.
 Địa chỉ: ấp LH, xã LH, huyện TB, tỉnh TN.
 76/ Bà Cao Thị H, sinh năm 1973. *Vắng mặt*.
 Địa chỉ: Ấp 5, xã BÐ, huyện GD, tỉnh TN.

- 77/ Ông Châu Minh T, sinh năm 1973. *Vắng mặt*
Địa chỉ: ấp AH, xã ĐA, huyện LV, tỉnh ĐT.
- 78/ Anh Trần Minh Q, sinh năm 1979. *Vắng mặt*
Địa chỉ: Ấp 2, xã BÐ, huyện GD, tỉnh TN.
- 79/ Bà Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1964. *Vắng mặt*
Địa chỉ: Ấp 5, xã BÐ, huyện GD, tỉnh TN.
- 80/ Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1978. *Vắng mặt*
Địa chỉ: ấp XB, xã HT, huyện GD, tỉnh TN.
- 81/ Bà Võ Thị Hồng Dg, sinh năm 1969. *Vắng mặt*
Địa chỉ: Ấp 1, xã BÐ, huyện GD, tỉnh TN.
- 82/ Anh Lê Quốc C, sinh năm 1984. *Vắng mặt*
Địa chỉ: ấp SC A, xã PÐ, huyện GD, tỉnh TN.
- 83/ Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1993. *Vắng mặt*
- 84/ Anh Nguyễn Thành D, sinh năm 1989. *Vắng mặt*
- 85/ Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1991. *Vắng mặt*
Cùng địa chỉ: ấp PÐ B, xã PÐ, huyện GD, tỉnh TN.
- 86/ Bà Trần Thị Tuyết Hg, sinh năm 1964. *Vắng mặt*
Địa chỉ: Ấp 7, xã BÐ, huyện GD, tỉnh TN.
- 87/ Anh Nguyễn Duy T, sinh năm 1990. *Vắng mặt*
- 88/ Anh Phan Văn L, sinh năm 1980. *Vắng mặt*
Cùng địa chỉ: Ấp 5, xã BÐ, huyện GD, tỉnh TN.
- 89/ Anh Lê Văn M, sinh năm 1990. *Vắng mặt*
Địa chỉ: ấp SC B, xã PÐ, huyện GD, tỉnh TN.
- 90/ Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1982. *Vắng mặt*
Địa chỉ: Ấp 5, xã BÐ, huyện GD, tỉnh TN.
- 91/ Anh Nguyễn Nhất L, sinh năm 1985. *Vắng mặt*
Địa chỉ: ấp PH B, xã PT, huyện GD, tỉnh TN.
- 92/ Anh Hồ Ngọc Q, sinh năm 1993. *Vắng mặt*
Địa chỉ: ấp PÐ B, xã PÐ, huyện GD, tỉnh TN.
- 93/ Anh Đỗ Văn S, sinh năm 1991. *Vắng mặt*
Địa chỉ: ấp TV 3, xã TP, huyện GD, tỉnh TN.
- 94/ Anh Lê Thái D, sinh năm 1990. *Vắng mặt*
Địa chỉ: Ấp 1, xã BÐ, huyện GD, tỉnh TN.
- 95/ Anh Phạm Minh N, sinh năm 1991. *Vắng mặt*
Địa chỉ: Ấp 3, xã BÐ, huyện GD, tỉnh TN.
- 96/ Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1971. *Vắng mặt*
Địa chỉ: ấp PÐ B, xã PÐ, huyện GD, tỉnh TN.
- 97/ Anh Lý Văn T, sinh năm 1981. *Vắng mặt*
Địa chỉ: ấp PÐ A, xã PÐ, huyện GD, tỉnh TN.
- 98/ Bà Nguyễn Thị Ó, sinh năm 1974. *Vắng mặt*

Địa chỉ: Ấp 2, xã BÐ, huyện GD, tỉnh TN.
 99/ Anh Nguyễn Tấn L, sinh năm 1983. *Vắng mặt*
 Địa chỉ: ấp TH, xã TM, huyện DMC, tỉnh TN.
 100/ Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1990. *Vắng mặt*
 Địa chỉ: Ấp 5, xã BÐ, huyện GD, tỉnh TN.
 101/ Bà Trương Thị G, sinh năm 1970. *Vắng mặt*
 Địa chỉ: Ấp 3, xã BÐ, huyện GD, tỉnh TN.
 102/ Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1989. *Vắng mặt*
 Địa chỉ: ấp P ÐA, xã PÐ, huyện GD, tỉnh TN.
 103/ Anh Đặng Văn R, sinh năm 1982. *Vắng mặt*
 Địa chỉ: ấp PÐ, xã PT, huyện GD, tỉnh TN.
 104/ Anh Đoàn Lê Minh T, sinh năm 1996. *Vắng mặt*
 Địa chỉ: ấp CA, xã CG, huyện GD, tỉnh TN.
 105/ Anh Nguyễn Trọng N, sinh năm 1992. *Vắng mặt*
 Địa chỉ: ấp SC A, xã PÐ, huyện GD, tỉnh TN.
 106/ Bà Trần Thị G, sinh năm 1968. *Vắng mặt*
 Địa chỉ: Ấp 3, xã BÐ, huyện GD, tỉnh TN.
 107/ Ông Đặng Văn L, sinh năm 1975. *Vắng mặt*
 108/ Ông Đặng Văn L, sinh năm 1969. *Vắng mặt*
 109/ Anh Phan Văn T, sinh năm 1983. *Vắng mặt*
 Cùng địa chỉ: Ấp 5, xã BÐ, huyện BD, tỉnh TN.
 110/ Anh Ngô Văn Q, sinh năm 1985. *Vắng mặt*
 Địa chỉ: ấp SC A, xã PÐ, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.
 111/ Anh Lê Văn C, sinh năm 1986. *Vắng mặt*
 Địa chỉ: ấp TL, xã ÐT, huyện TB, tỉnh TN.
 112/ Anh Lê Trường H, sinh năm 1990. *Vắng mặt*
 Địa chỉ: ấp PC, xã PT, huyện GD, tỉnh TN.
 113/ Anh Hồng Minh S, sinh năm 1984. *Vắng mặt*
 Địa chỉ: ấp SC B, xã PÐ, huyện GD, tỉnh TN.
 114/ Anh Hà Quốc V, sinh năm 1980. *Vắng mặt*
 Địa chỉ: ấp LC, xã LH, huyện TB, tỉnh TN.
 115/ Bà Hà Thị L, sinh năm 1976. *Vắng mặt*
 Địa chỉ: ấp LP, xã LH, huyện TB, tỉnh TN.
 116/ Chị Lê Thị Thủy T, sinh năm 1989. *Vắng mặt*
 Địa chỉ: ấp PÐ, xã PT, huyện GD, tỉnh TN.
 117/ Anh Đặng Văn U, sinh năm 1984. *Vắng mặt*
 Địa chỉ: Ấp 5, xã BÐ, huyện GD, tỉnh TN.
 118/ Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1978. *Vắng mặt*
 Địa chỉ: tổ 16, khu phố LT, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh TN.
 119/ Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1973. *Vắng mặt*

Địa chỉ: ấp PĐ A, xã PĐ, huyện GD, tỉnh TN.

120/ Ông Trần Văn C, sinh năm 1976. *Vắng mặt*

Địa chỉ: ấp TB, xã TM, huyện DMC, tỉnh TN.

121/ Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1989. *Vắng mặt*

Địa chỉ: ấp CX, xã HT, huyện TB, tỉnh TN.

122/ Bà Trần Thị Tuyết H, sinh năm 1977. *Vắng mặt*

Địa chỉ: ấp PĐ A, xã PĐ, huyện GD, tỉnh TN.

123/ Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1989. *Vắng mặt*

124/ Anh Đặng Minh Q, sinh năm 1993. *Vắng mặt*

125/ Bà Lê Thị Th, sinh năm 1976. *Vắng mặt*

Cùng địa chỉ: Ấp 5, xã BĐ, huyện GD, tỉnh TN.

126/ Ông Ngô Đức H, sinh năm 1974. *Vắng mặt*

Địa chỉ: ấp SC B, xã PĐ, huyện GD, tỉnh TN.

127/ Anh Nguyễn Thành Ph, sinh năm 1982. *Vắng mặt*

Địa chỉ: ấp PĐ, xã PT, huyện GD, tỉnh TN.

128/ Anh Ngô Bá Quyền, sinh năm 1980. *Vắng mặt*

Địa chỉ: số 87, đường Phạm Hùng, khu phố 2, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh TN.

129/ Anh Lưu Quốc C, sinh năm 1978 *Vắng mặt*

Địa chỉ: Tổ 6, phường TT, quận LBB, thành phố HN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 7-2018, Đào Xuân T đến công ty TNHH MTV Viễn thông Trí Nhân Khánh An trụ sở tại số 93, tổ 14, ấp PĐ B, xã PĐ, huyện GD, tỉnh TN do ông Ngô Bá Q làm giám đốc để xin việc làm thì ông Q đồng ý. Do công ty chưa hoạt động, T xin được ở tại trụ sở công ty chờ đến khi công ty hoạt động sẽ làm việc. Trong thời gian này, T vay số tiền 700.000.000 đồng của người bạn tên Đoàn Duy H và sử dụng số tiền cá nhân 300.000.000 đồng để tiến hành hoạt động cho vay lãi nặng. Sau đó, T thuê người in tờ rơi quảng cáo cho vay và thuê một số người không rõ tên, địa chỉ phát tờ rơi. Khi có người cần vay tiền sẽ liên lạc trước với T và đến địa chỉ số 93, tổ 14, ấp PĐ B, xã PĐ, huyện GD, tỉnh TN gặp T để tiến hành lập hợp đồng vay tiền với thỏa thuận thời gian trả từ 25 ngày đến 40 ngày, mức lãi suất từ 0,5%/ngày đến 2,5%/ngày tương đương từ 182,5%/năm đến 730%/năm, đã vượt mức lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự từ 82,5%/năm đến 630%/năm. Người vay tiền phải đóng phí lập hồ sơ cho T 2,5%/số tiền vay. Đồng thời, để tránh bị phát hiện, khi lập hợp đồng vay tiền, T chỉ ghi số tiền người vay phải trả mà không ghi cụ thể số tiền lãi,

người vay tiền không được giữ hợp đồng vay tiền và khi thu tiền vay T không viết phiếu thu.

Trong quá trình hoạt động cho vay, Tùng đã thuê Đào Công Đ, Trần Văn T, Đỗ Thế C, Trần Anh H, Nguyễn Văn P, Vũ Hữu T, Nguyễn Văn T và người tên Đ không rõ tên, địa chỉ giúp sức tư vấn mức lãi suất, lập hợp đồng cho vay tiền, thu hồi nợ, theo dõi việc người vay tiền trả nợ, với tiền công mỗi người được trả từ 150.000 đồng đến 300.000 đồng/ngày và được hỗ trợ chỗ ở, chi phí ăn uống, đi lại, điện thoại liên lạc. Với thủ đoạn trên, T đã tổ chức cho 143 người vay tiền với 246 hợp đồng vay, tổng số tiền cho vay là 3.627.000.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 257.413.810 đồng. Đến ngày 13-9-2018, bị Công an huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh kiểm tra, phát hiện, thu giữ các giấy tờ, sổ sách và vật chứng có liên quan để điều tra làm rõ xử lý theo quy định pháp luật.

Qua điều tra, T, T, Ct hứa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên.

Ngoài ra, quá trình thu tiền vay, Tổ chức bắt, giữ số người vay tiền không có khả năng trả nợ. Ngày 21-8-2019, Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh đã xét xử T, T, Cg về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Kết quả thu giữ và xử lý vật chứng: 01 (một) két sắt hiệu SUNNY, màu xám đen (bên trong không có đồ vật, tài sản gì); 06 (sáu) con dao bằng kim loại; 01 (một) điện thoại di động hiệu Viettel V6309 màu đen, số IMEI1: 357482060334348, số IMEI2: 357482060850467, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi Note3 màu vàng, số IMEI: 860410034061184, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus màu xám đen, số IMEI: 354389060126728, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus màu xám đen, số IMEI: 354377060738451, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Asus màu đen bạc, số IMEI1: 354224080062761, số IMEI2: 354224080062779, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động hiệu FPT, số IMEI1: 980028002379498, số IMEI2: 980028002411499, đã qua sử dụng; 01 (một) laptop hiệu Masstel; 01 (một) cục sạc laptop hiệu Masstel; 01 (một) chuột máy tính; 01 (một) thẻ ATM Vietcombank mang tên Đào Xuân Tùng; 01 (một) cây viết lông màu xanh – đen; 199 (một trăm chín mươi chín) tờ giấy quảng cáo cho vay tiền mặt Trí Nhân; Tiền Việt Nam: 130.083.000đ (một trăm ba mươi triệu không trăm tám mươi ba nghìn đồng). Tất cả đã chuyển sang Chi cục Thi hành án huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh chờ xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Trần Thị Hồng Q yêu cầu T trả lại số tiền lãi đã đóng vượt so với quy định pháp luật là 1.780.000 đồng; bà Nguyễn Thị Xuân Tyêu cầu trả lại số tiền lãi đã đóng vượt 2.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị Q yêu cầu trả lại số tiền lãi đã đóng vượt 8.000.000 đồng; anh Hồng Minh S yêu cầu trả lại số tiền lãi đã đóng vượt 2.357.500 đồng. Những người vay tiền còn lại không có yêu cầu gì.

Đối với bị can Đào Công Đ bỏ trốn chưa bắt được, Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh đã ra quyết định truy nã, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Đối với các đối tượng Đoàn Duy H, Trần Anh H, Nguyễn Văn P, Vũ Hữu T, Nguyễn Văn Tg và người tên Đ không rõ địa chỉ, chưa làm việc được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Đối với Ngô Bá Q, Lưu Quốc C, Trần Thế D không giúp sức cho Đào Xuân T trong việc cho vay lãi nặng nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh không xử lý.

Cáo trạng số: 93/CT-VKSGD ngày 27-8-2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu đã truy tố các bị cáo Đào Xuân T, Trần Văn T, Đỗ Thế C về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, được quy định tại Khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa tất cả các bị cáo đã thành khẩn thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố.

Trong quá trình điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Trần Thị Hồng Q trình bày: Việc vay tiền giữa bà và T là do hai bên tự nguyện, bà biết lãi suất cao nhưng vì đang gặp khó khăn nên phải vay, nay bà yêu cầu T trả lại số tiền lãi đã đóng vượt so với quy định pháp luật là 1.780.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị Xuân T trình bày: Yêu cầu trả lại số tiền lãi đã đóng vượt 2.000.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - chị Nguyễn Thị Q trình bày: Yêu cầu trả lại số tiền lãi đã đóng vượt 8.000.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - anh Hồng Minh S trình bày: Yêu cầu trả lại số tiền lãi đã đóng vượt 2.357.500 đồng.

Tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu giữ nguyên quyết định truy tố. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng Khoản 2 Điều 201; Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Đào Xuân T mức án tù 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T mức án tù 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

- Áp dụng Khoản 2 Điều 201; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Đỗ Thế C mức án tù 06 tháng đến 01 năm tù.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: xử lý vật chứng đã thu giữ theo quy định pháp luật; buộc bị cáo Tùng trả lại số tiền lãi đã nhận vượt mức Nhà nước cho phép cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu; buộc bị cáo T phải nộp

lại số tiền vốn đã bỏ ra cho vay và số tiền lãi đã thu lợi bất chính để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Các bị cáo đã ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Gò Dầu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo thể hiện: Khoảng đầu tháng 7-2018 đến ngày 13-9-2018, tại khu vực ấp Phước Đức B, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, Đào Xuân T cùng với Trần Văn T, Đỗ Thế C đã cho 143 người vay tiền, tổng số tiền cho vay là 3.627.000.000 đồng, mức lãi suất cho vay từ 0,5%/ngày đến 2,5%/ngày tương đương từ 182,5%/năm đến 730%/năm, đã vượt mức lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự từ 82,5%/năm đến 630%/năm, thu lợi bất chính số tiền 257.413.810 đồng thì bị phát hiện.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với lời trình bày của những người tham gia tố tụng khác. Hành vi của các bị cáo Đào Xuân T, Trần Văn T, Đỗ Thế C đã thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội phạm của tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, được quy định tại Khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Do đó, lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

Đối với bị can Đào Công Đ bỏ trốn chưa bắt được, Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh đã ra Quyết định truy nã, khi nào bắt được sẽ xử lý sau là đúng quy định pháp luật.

Đối với các đối tượng Đoàn Duy H, Trần Anh H, Nguyễn Văn P, Vũ Hữu T, Nguyễn Văn T và người tên Đ không rõ địa chỉ, chưa làm việc được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau là đúng quy định pháp luật.

Đối với Ngô Bá Q, Lưu Quốc C, Trần Thế D không giúp sức cho Đào Xuân T trong việc cho vay lãi nặng nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh không xử lý là phù hợp.

[3] Mặc dù vụ án này mang tính chất ít nghiêm trọng, nhưng hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, đã xâm phạm đến lợi ích của công dân được pháp luật bảo vệ. Do đó, khi quyết định hình phạt cần áp dụng đối với các bị cáo một mức án nghiêm mới có đủ thời gian giáo dục riêng đối với từng bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Khi quyết định hình phạt, có xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và vai trò của từng bị cáo trong vụ án như sau:

- Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo phạm tội 02 lần trở lên.
- Tình tiết giảm nhẹ: tất cả các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Riêng bị cáo C còn có cha tham gia cách mạng, làm nghĩa vụ quốc tế tại chiến trường Campuchia nhiều năm.

Về vai trò của từng bị cáo trong vụ án thể hiện như sau:

Mặc dù các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội. Nhưng không có sự câu kết chặt chẽ với nhau, không có bàn bạc, phân công vai trò nhiệm vụ cụ thể cho từng bị cáo. Nên trong trường hợp này, các bị cáo phạm tội là đồng phạm giản đơn, không phải là phạm tội có tổ chức.

Đối với Đào Xuân T là người bỏ tiền ra để cho vay, và trực tiếp đứng ra lập hợp đồng với người vay, T là người quy định mức lãi suất và hình thức trả đối với từng người vay, Tùng cũng là người hưởng lợi bất chính nhiều nhất, nên bị cáo T phải chịu trách nhiệm hình chính trong vụ án. Bị cáo Trần Văn T sau khi được Tùng thuê để đứng ra lập hợp đồng và thu tiền cho vay lãi nặng, đã không biết khuyên ngăn Tùng hoặc tố cáo hành vi sai trái của Tùng đến các cơ quan chức năng, mà lại tích cực thực hiện theo yêu cầu của T để hưởng lợi bất chính, nên Tài phải chịu trách nhiệm hình sự sau bị cáo Tùng. Bị cáo C không tham gia tích cực vào việc cho vay, không được bị cáo T thuê mà T chỉ nhờ bị cáo C lập 06 giấy cho vay tiền, nên bị cáo C phải chịu trách nhiệm hình sự sau cùng.

[4] Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng Khoản 2 Điều 201; Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Đào Xuân T mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

- Áp dụng Khoản 2 Điều 201; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Đỗ Thế C mức án từ 06 tháng đến 01 năm tù.

Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Xử lý vật chứng đã thu giữ theo quy định pháp luật; buộc bị cáo T trả lại số tiền lãi đã nhận vượt mức Nhà nước cho phép cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu; buộc bị cáo Tùng

phải nộp lại số tiền vốn đã bỏ ra cho vay và số tiền lãi đã thu lợi bất chính để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Xét đề nghị này của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tổng hợp hình phạt đối với các bị cáo:

Bị cáo Đào Xuân T hiện đang chấp hành hình phạt 03 năm 06 tháng tù theo Bản án số: 75/2019/HS-ST ngày 21-8-2019 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu. Bị cáo Trần Văn T cũng đang chấp hành hình phạt 03 năm tù theo Bản án số: 75/2019/HS-ST ngày 21-8-2019 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt đối với bị cáo T và T.

Bị cáo Đỗ Thế C hiện đang chấp hành hình phạt 02 năm tù theo Bản án số: 75/2019/HS-ST ngày 21-8-2019 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu. Ngày 09-9-2019 tại Bản án số 530/2019/HS-PT Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội đã xét xử bị cáo C 08 tháng tù về tội “Đánh bạc” và 01 năm 02 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc. Các Bản án này chưa được tổng hợp hình phạt, nên Hội đồng xét xử cũng căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của các Bản án đã xét xử bị cáo Cường.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bà Trần Thị Hồng Q yêu cầu bị cáo Tùng trả lại số tiền lãi đã đóng vượt so với quy định pháp luật là 1.780.000 đồng; bà Nguyễn Thị Xuân T yêu cầu trả lại số tiền lãi đã đóng vượt 2.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị Q yêu cầu trả lại số tiền lãi đã đóng vượt 8.000.000 đồng; anh Hồng Minh S yêu cầu trả lại số tiền lãi đã đóng vượt 2.357.500 đồng. Bị cáo T đồng ý trả lại nên cần ghi nhận.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm chị Nguyễn Thị T, anh Phạm Hữu Đ, ông Phạm Văn Đ, anh Nguyễn Văn N, anh Lưu Văn T, bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn T, anh Đặng Minh T, anh Phạm Minh Đ, bà Trần Thị P, anh Trần Văn V, anh Huỳnh Tấn c, chị Trần Ngọc S, anh Nguyễn Thành C, bà Đặng Thị Đ, ông Võ Thanh H, bà Nguyễn Thanh X, bà Bùi Thị Cẩm L, anh Lê Văn T, ông Lê Văn Đ, ông Trương Văn N, bà Đỗ Thị Bích N, anh Trần Thanh N, anh Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L, ông Hồ Nghiêm Đạt T, chị Nguyễn Hồng D, chị Nguyễn Thị Diễm T, chị Trần Thị D, chị Trần Thị Anh T, ông Nguyễn Long Â, ông Bùi Văn Tn, anh Nguyễn Hoàng S, bà Nguyễn Thị H, bà Cao Thị N, bà Nguyễn Thị K, anh Đặng Văn H, chị Phan Thùy D, anh Nguyễn Thanh T, chị Lê Thị Ngọc A, chị Phan Thị D, bà Dương Thị S, bà Phan Thị N, bà Nguyễn Thị P, chị Nguyễn Cẩm T, anh Phan Uy B, bà Nguyễn Thanh T, anh Hồ Cương V, chị Đặng Thị Thu T, ông Võ Nhất C, anh Nguyễn Hoài P, ông Châu Minh T, chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Thành D, bà Trần Thị Tuyết H, anh Nguyễn Duy T, anh Lê Văn M, anh Nguyễn Nhất L, anh Hồ Ngọc Q, anh Lê Thái D, bà Nguyễn Thị Mít, anh Lý Văn Th, anh Nguyễn Tấn L, anh Nguyễn Văn D, bà Trương Thị G, anh

Đặng Văn R, anh Đoàn Lê Minh Tr, anh Nguyễn Trọng N, bà Trần Thị G, ông Đặng Văn L, ông Đặng Văn L, anh Lê Trường H, bà Hà Thị L, chị Lê Thị TTiên, anh Hà Quốc V, anh Đặng Văn Ú, ông Nguyễn Minh Th, ông Nguyễn Văn Hùng, ông Trần Văn C, anh Nguyễn Đức T, bà Trần Thị Tuyết H, anh Nguyễn Văn C, anh Đặng Minh Q, bà Lê Thị T, ông Ngô Đức H, anh Nguyễn Thành P đã vay tiền của bị cáo T, không yêu cầu bị cáo T phải trả lại số tiền lãi đã đóng vượt mức Nhà nước quy định, nên cần ghi nhận.

Bị cáo Đào Xuân T không yêu cầu những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm **chị Nguyễn Thị Mỹ D, bà Nguyễn Thị L, bà Lê Thị Hồng D, anh Dương Thành A, ông Nguyễn Văn H, anh Võ Phát Đạt, bà Nguyễn Thị Riết, bà Phan Thị K, ông Nguyễn Minh C, chị Nguyễn Hoài T, anh Phan Hữu T, anh Nguyễn Hoàng P, anh Trần Quốc T, chị Đoàn Thị Kim Y, anh Nguyễn Đức T, chị Nguyễn Kim H, bà Lê Thị L, ông Nguyễn Thanh P, ông Lê Thành M, bà Đặng Thị L, bà Cao Thị H, anh Trần Minh Q, bà Nguyễn Thị Ngọc C, bà Nguyễn Thị Mg, bà Võ Thị Hồng D, anh Lê Quốc C, anh Nguyễn Văn Đ, anh Phan Văn L, anh Nguyễn Văn G, anh Đỗ Văn S, anh Phạm Minh N, anh Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Thị Ó, anh Phan Văn T, anh Ngô Văn Q, anh Lê Văn C, chị Võ Thị Thanh T** phải trả lại số tiền gốc đã vay của Tùng, nên cần ghi nhận.

[7] Các biện pháp tư pháp:

- 01 (một) két sắt hiệu SUNNY, màu xám đen (*bên trong không có đồ vật, tài sản gì*); 01 (một) laptop hiệu Masstel; 01 (một) cục sạc laptop hiệu Masstel; 01 (một) chuột máy tính; tiền Việt Nam **117.083.000 đồng** là của anh Ngô Bá Quyền, không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho anh Quyền.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Asus màu đen bạc, số IMEI1: 354224080062761, số IMEI2: 354224080062779, đã qua sử dụng là của anh Lưu Quốc Cường, không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho anh Cường.

- 06 (sáu) con dao bằng kim loại; 01 (một) cây viết lông màu xanh – đen; 199 (một trăm chín mươi chín) tờ giấy quảng cáo cho vay tiền mặt Trí Nhân; **01 (một)** thẻ ATM Vietcombank mang tên Đào Xuân Tùng là các công cụ, vật dụng các bị cáo dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng, nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Viettel V6309 màu đen, số IMEI1: 357482060334348, số IMEI2: 357482060850467, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi Note3 màu vàng, số IMEI: 860410034061184, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus màu xám đen, số IMEI: 354389060126728, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus màu xám đen, số IMEI: 354377060738451, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động hiệu FPT, số IMEI1: 980028002379498, số IMEI2: 980028002411499, đã qua sử dụng là phương tiện các bị cáo dùng liên lạc phục vụ cho việc phạm tội, còn giá trị sử dụng, nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Tiền Việt Nam 13.000.000 đồng là tài sản cá nhân của bị cáo Đào Xuân Tùng, không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho bị cáo Tùng.

- Đối với số tiền 3.627.000.000 đồng là tiền bị cáo Tùng bỏ ra để làm vốn cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự và số tiền 257.413.810 đồng là tiền lãi nặng mà bị cáo Tùng đã thu lợi bất chính. Cần buộc bị cáo Tùng phải nộp lại 3.884.413.810 đồng này để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[8] Do Hội đồng xét xử kết luận các bị cáo có tội, bị kết án và phải trả lại số tiền đã thu lợi bất chính cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 23, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố các bị cáo Đào Xuân T, Trần Văn T, Đỗ Thế C phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 201; Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điểm g Khoản 1 Điều 52, Điều 56, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Đào Xuân T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Tổng hợp với hình phạt tại Bản án số: 75/2019/HS-ST ngày 21-8-2019 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Bị cáo Đào Xuân T phải chấp hành mức hình phạt chung là 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29-9-2018.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Tổng hợp với hình phạt tại Bản án số: 75/2019/HS-ST ngày 21-8-2019 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Bị cáo Trần Văn T phải chấp hành mức hình phạt chung là 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29-9-2018.

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 201; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điểm g Khoản 1 Điều 52, Điều 56, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Đỗ Thế C 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Tổng hợp với hình phạt tại Bản án số: 75/2019/HS-ST ngày 21-8-2019 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh và Bản án số 530/2019/HS-PT ngày 09-9-2019 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội. Bị cáo Đỗ Thế C phải chấp hành mức hình phạt chung là 04 (bốn) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành

hình phạt tù tính từ ngày 28-12-2018, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26-4-2016 đến ngày 17-8-2016.

2/ Các biện pháp tư pháp: Căn cứ vào Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Các Điều 463, 468 Bộ luật Dân sự:

Ghi nhận bị cáo Đào Xuân T đồng ý trả lại cho bà Trần Thị Hồng Q số tiền 1.780.000 đồng; đồng ý trả lại cho bà Nguyễn Thị Xuân T số tiền 2.000.000 đồng; đồng ý trả lại cho chị Nguyễn Thị Q số tiền 8.000.000 đồng; đồng ý trả lại cho anh Hồng Minh số tiền 2.357.500 đồng.

Ghi nhận chị Nguyễn Thị Thoại, anh Phạm Hữu Đức, ông Phạm Văn Đây, anh Nguyễn Văn Nghĩa, anh Lưu Văn Tiến, bà Nguyễn Thị Hoa, anh Nguyễn Văn Thanh, anh Đặng Minh Tú, anh Phạm Minh Đức, bà Trần Thị Phượng, anh Trần Văn Vũ, anh Huỳnh Tấn Cường, chị Trần Ngọc Sâm, anh Nguyễn Thành Chân, bà Đặng Thị Đầu, ông Võ Thanh Hoài, bà Nguyễn Thanh Xuân, , bà Bùi Thị Cẩm Loan, anh Lê Văn Thanh, ông Lê Văn Đủ, ông Trương Văn Nam, bà Đỗ Thị Bích Nga, anh Trần Thanh Nhựt, anh Nguyễn Văn Thanh, bà Nguyễn Thị Lam, ông Hồ Nghiêm Đạt Thiện, chị Nguyễn Hồng Diễm, chị Nguyễn Thị Diễm Trinh, chị Trần Thị Diệu, chị Trần Thị Anh Thư, ông Nguyễn Long Ân, ông Bùi Văn Tuấn, anh Nguyễn Hoàng Sang, bà Nguyễn Thị Huệ, bà Cao Thị Nga, bà Nguyễn Thị Keo, anh Đặng Văn Hưng, chị Phan Thùy Dương, anh Nguyễn Thanh Tùng, chị Lê Thị Ngọc An, chị Phan Thị Dung, bà Dương Thị Sánh, bà Phan Thị Ngoãn, bà Nguyễn Thị Phụng, chị Nguyễn Cẩm Tú, anh Phan Uy Bằng, bà Nguyễn Thanh Tâm, anh Hồ Cương Vương, chị Đặng Thị Thu Thùy, ông Võ Nhất Cò, anh Nguyễn Hoài Phương, , ông Châu Minh Tuấn, chị Nguyễn Thị Nhung, anh Nguyễn Thành Danh, bà Trần Thị Tuyết Hồng, anh Nguyễn Duy Tân, anh Lê Văn Mông, anh Nguyễn Nhất Linh, anh Hồ Ngọc Quý, anh Lê Thái Dương, bà Nguyễn Thị Mít, anh Lý Văn Thanh, anh Nguyễn Tấn Lộc, anh Nguyễn Văn Dũng, bà Trương Thị Gái, anh Đặng Văn Rời, anh Đoàn Lê Minh Trí, anh Nguyễn Trọng Nghĩa, bà Trần Thị Gái, ông Đặng Văn Lý, ông Đặng Văn Liên, anh Lê Trường Huy, bà Hà Thị Loan, chị Lê Thị Thủy Tiên, anh Hà Quốc Việt, anh Đặng Văn Út, ông Nguyễn Minh Thành, ông Nguyễn Văn Hùng, ông Trần Văn Chí, anh Nguyễn Đức Thắng, bà Trần Thị Tuyết Hương, anh Nguyễn Văn Cường, anh Đặng Minh Quang, bà Lê Thị Thảo, ông Ngô Đức Hậu, anh Nguyễn Thành Phúc đã vay tiền của bị cáo Tùng, không yêu cầu bị cáo Đào Xuân Tùng phải trả lại số tiền lãi đã đóng vượt mức Nhà nước quy định.

Ghi nhận bị cáo Đào Xuân T không yêu cầu **chị Nguyễn Thị Mỹ Dung, bà Nguyễn Thị Lành, bà Lê Thị Hồng Dung, anh Dương Thành An, ông Nguyễn Văn Hồng, anh Võ Phát Đạt, bà Nguyễn Thị Riết, bà Phan Thị Kề, ông Nguyễn Minh Chương, chị Nguyễn Hoài Thương, anh Phan Hữu Thọ, anh Nguyễn Hoàng Phong, anh Trần Quốc Thắng, chị Đoàn Thị Kim Y, anh Nguyễn Đức Tín, chị Nguyễn Kim Hằng, bà Lê Thị Luống, ông Nguyễn Thanh Phong, ông Lê Thành Minh, bà**

Đặng Thị Lâm, bà Cao Thị Hạnh, anh Trần Minh Quang, bà Nguyễn Thị Ngọc Cẩm, bà Nguyễn Thị Mộng, bà Võ Thị Hồng Dung, anh Lê Quốc Cường, anh Nguyễn Văn Đạt, anh Phan Văn Lăng, anh Nguyễn Văn Giáo, anh Đỗ Văn Sang, anh Phạm Minh Nhựt, anh Nguyễn Minh Toàn, bà Nguyễn Thị Ôn, anh Phan Văn Tường, anh Ngô Văn Quang, anh Lê Văn Cường, chị Võ Thị Thanh Thúy phải trả lại số tiền gốc đã vay của bị cáo Tùng.

Tuyên trả cho anh Ngô Bá Quyền: 01 (một) két sắt hiệu SUNNY, màu xám đen (*bên trong không có đồ vật, tài sản gì*); 01 (một) laptop hiệu Masstel; 01 (một) cục sạc laptop hiệu Masstel; 01 (một) chuột máy tính; Tiền Việt Nam **117.083.000 đồng**.

Tuyên trả lại cho anh Lưu Quốc Cường: 01 (một) điện thoại di động hiệu Asus màu đen bạc, số IMEI1: 354224080062761, số IMEI2: 354224080062779, đã qua sử dụng.

Tuyên tịch thu tiêu hủy: 06 (sáu) con dao bằng kim loại; 01 (một) cây viết lông màu xanh – đen; 199 (một trăm chín mươi chín) tờ giấy quảng cáo cho vay tiền mặt Trí Nhân; **01 (một) thẻ ATM Vietcombank mang tên Đào Xuân Tùng**.

Tuyên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Viettel V6309 màu đen, số IMEI1: 357482060334348, số IMEI2: 357482060850467, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi Note3 màu vàng, số IMEI: 860410034061184, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus màu xám đen, số IMEI: 354389060126728, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus màu xám đen, số IMEI: 354377060738451, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động hiệu FPT, số IMEI1: 980028002379498, số IMEI2: 980028002411499, đã qua sử dụng.

Tạm giữ của bị cáo Đào Xuân T: **Tiền Việt Nam: 13.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án**.

Buộc bị cáo Đào Xuân T phải nộp lại số tiền 3.884.413.810 đồng để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06 tháng 09 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu)

Trường hợp người phải thi hành án không tự nguyện thi hành án thì Chấp hành viên xử lý tiền, tài sản đó để thi hành án theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 126 của Luật Thi hành án dân sự.

Trường hợp người phải thi hành án đã tự nguyện thi hành án xong thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định trả lại tiền, tài sản tạm giữ theo quy định tại đoạn 1 khoản 1 Điều 126 của Luật Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy

định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3/ Án phí: Căn cứ các Điều 23, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Đào Xuân Tùng, Trần Văn Tài, Đỗ Thế Cường mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Đào Xuân Tùng phải chịu 706.875 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Án hình sự sơ thẩm xử công khai, báo cho các bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Sở Tư pháp tỉnh nơi bị cáo ĐKNKTT;
- Công an huyện Gò Dầu (02 bản);
- Công an xã, thị trấn nơi bị cáo cư trú;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Hoài Đình